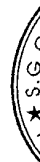


CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG

TRANG

Thông tin về doanh nghiệp

1

Báo cáo của Ban Giám đốc

2

Báo cáo kiểm toán

3

Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)

5

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)

8

Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)

9



///
A
I
/

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký kinh doanh	Số 2703001077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 07 năm 2013	
Hội đồng Quản trị	Ông Phan Đăng Tuất Ông Văn Thanh Liêm Ông Cao Thanh Bích Ông Võ Hải Thanh Ông Nguyễn Việt Tuấn	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Kiểm soát	Bà Thái Thị Ánh Hồng Bà Nguyễn Thanh Thủy Ông Nguyễn Tiến Thiện	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Võ Hải Thanh Ông Nguyễn Hồng Anh Ông Hoàng Lâm Hòa	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc
Trụ sở chính	Số 03 Trần Phú, P. Lê Mao, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.

mặt Ban Giám đốc



Võ Hải Thanh
Giám đốc

Nghệ An, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2014



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

13/01/2014
P
IG
31
A
H
C
H
A
V
T
E



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác mà báo cáo kiểm toán của họ đề ngày 14 tháng 1 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Họ tên: Richard Peters

Số Giấy CN

ĐKHN kiểm toán: 0561-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1042

TP. Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2014

Họ tên: Đào Duy Hoàng

Số Giấy CN

ĐKHN kiểm toán: 2589-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		323.060.998.847	374.485.668.501
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	165.492.043.381	246.765.107.319
111	Tiền		70.492.043.381	46.765.107.319
112	Các khoản tương đương tiền		95.000.000.000	200.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		63.620.246.909	46.896.198.038
131	Phải thu khách hàng	5	62.853.250.412	45.299.883.447
132	Trả trước cho người bán		731.306.196	1.579.469.990
135	Các khoản phải thu khác		35.690.301	16.844.601
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	Hàng tồn kho		92.278.063.142	79.369.725.250
141	Hàng tồn kho	6	92.278.063.142	79.369.725.250
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.670.645.415	1.454.637.894
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.660.645.415	1.444.637.894
158	Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	10.000.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		959.721.312.367	1.055.922.926.753
220	Tài sản cố định		943.860.913.807	1.014.089.029.655
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	941.220.734.679	1.011.695.936.964
222	Nguyên giá		1.207.826.224.151	1.206.652.553.187
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(266.605.489.472)	(194.956.616.223)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	12.736.400	43.283.600
228	Nguyên giá		91.650.000	91.650.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(78.913.600)	(48.366.400)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7(c)	2.627.442.728	2.349.809.091
260	Tài sản dài hạn khác		15.860.398.560	41.833.897.098
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	15.860.398.560	41.833.897.098
270	TỔNG TÀI SẢN		1.282.782.311.214	1.430.408.595.254

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2013	2012
			VNĐ	VNĐ (Điều chỉnh lại - Thuyết minh 3)
300	NỢ PHẢI TRẢ		884.146.880.760	1.076.416.456.898
310	Nợ ngắn hạn		394.376.401.408	491.268.468.933
311	Vay và nợ ngắn hạn	9(a)	92.000.000.000	153.700.000.000
312	Phải trả người bán	10	193.722.955.268	231.883.060.336
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	65.565.632.124	65.711.001.474
315	Phải trả người lao động		5.533.902.882	4.665.675.237
316	Chi phí phải trả	12	36.546.905.209	34.602.859.506
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.007.005.925	705.872.380
330	Nợ dài hạn		489.770.479.352	585.147.987.965
333	Phải trả dài hạn khác		320.000.000	320.000.000
334	Vay và nợ dài hạn	9(b)	486.072.970.738	578.072.970.738
338	Doanh thu chưa thực hiện		3.377.508.614	6.755.017.227
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		398.635.430.454	353.992.138.356
410	Vốn chủ sở hữu		398.635.430.454	353.992.138.356
411	Vốn góp của chủ sở hữu	14,15	450.000.000.000	450.000.000.000
420	Lợi nhuận chưa phân phối	15	(51.364.569.546)	(96.007.861.644)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.282.782.311.214	1.430.408.595.254

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 119.949 EUR (2012: 0 EUR).

Đặng Hải Hà
Người lập

Phan Thanh Thảo
Kế toán trưởng



Võ Hải Thanh
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày		
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.348.088.303.920	1.281.091.118.902
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	17	(487.876.229.863)	(434.610.098.396)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		<u>860.212.074.057</u>	<u>846.481.020.506</u>
11	Giá vốn hàng bán	18	(727.633.665.397)	(781.966.291.215)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		<u>132.578.408.660</u>	<u>64.514.729.291</u>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	19	14.792.718.021	13.124.445.918
22	Chi phí tài chính	20	(71.910.710.489)	(98.569.684.739)
	- Trong đó: lãi vay phải trả		(71.910.215.438)	(98.564.926.091)
24	Chi phí bán hàng	21	(6.783.510.683)	(1.075.209.932)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(21.948.186.353)	(18.036.051.193)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>46.728.719.156</u>	<u>(40.041.770.655)</u>
31	Thu nhập khác	23	2.169.598.322	1.239.051.615
32	Chi chi khác	23	(4.255.025.380)	(92.715.031)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác		<u>(2.085.427.058)</u>	<u>1.146.336.584</u>
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		<u>44.643.292.098</u>	<u>(38.895.434.071)</u>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		<u>44.643.292.098</u>	<u>(38.895.434.071)</u>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	992	(864)




Đặng Hải Hà
Người lập



Phan Thanh Thảo
Kế toán trưởng




Võ Hải Thanh
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	44.643.292.098	(38.895.434.071)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	71.987.723.949	89.439.090.830
03	Các khoản dự phòng	-	(87.701.043)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(3.377.013.562)	(3.088.567.269)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(11.391.180.083)	(6.748.474.573)
06	Chi phí lãi vay	71.910.215.438	98.564.926.091
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	173.773.037.840	139.183.839.965
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(16.724.048.871)	14.264.618.257
10	Tăng hàng tồn kho	(12.908.337.892)	(15.459.068.490)
11	Giảm các khoản phải trả	(37.197.444.874)	(21.446.895.830)
12	Giảm các chi phí trả trước	25.410.937.119	17.155.388.016
13	Tiền lãi vay đã trả	(69.652.168.140)	(94.868.176.146)
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	258.830.000
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	(268.830.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	62.701.975.182	38.819.705.772
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.666.219.203)	(316.767.000)
27	Thu lãi cho vay	11.391.180.083	6.748.474.573
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9.724.960.880	6.431.707.573
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	125.691.469.995
34	Chi trả nợ gốc vay	(153.700.000.000)	(24.959.676.938)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(153.700.000.000)	100.731.793.057
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(81.273.063.938)	145.983.206.402
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	246.765.107.319
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	165.492.043.381

Đặng Hải Hà
Người lập

Phan Thanh Thảo
Kế toán trưởng



Võ Hải Thanh
Giám đốc
Ngày 25 tháng 2 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam (“Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2006, và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 4 vào ngày 18 tháng 07 năm 2013.

Theo chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất máy móc, thiết bị sản xuất bia
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
- Bán buôn gạo
- Bán buôn thực phẩm
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, sản phẩm phụ ngành bia

Công ty có trụ sở chính tại số 03 Trần Phú, P, Lê Mao, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 185 nhân viên (2012:170 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

(b) Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

- (i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu được phân loại là đầu tư dài hạn khi những khoản đầu tư này được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư trái phiếu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có bằng chứng về sự giảm giá trị dài hạn của các chứng khoán hoặc Công ty không thể thu hồi khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

(ii) Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư này.



2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà xưởng, công trình kiến trúc	2 - 17%
Máy móc	6 - 10%
Thiết bị văn phòng	20 - 33%
Phần mềm máy tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

2.11 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.12 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

3 ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Sau khi phát hành báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hiện sai sót trên báo cáo tài chính và đã thực hiện một số điều chỉnh hồi tố một số khoản mục của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Bảng cân đối kế toán (trích dẫn)

Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Sau khi điều chỉnh lại VNĐ
Tài sản dài hạn			
Xây dựng cơ bản dở dang			
Tại 1/1/2012	1 5.973.029.091		5.973.029.091
Tại 31/12/2012	1 7.705.786.364	(5.355.977.273)	2.349.809.091
Tổng tài sản dài hạn	1.061.278.904.026	(5.355.977.273)	1.055.922.926.753
Nợ ngắn hạn			
Chi phí phải trả			
Tại 1/1/2012	1 70.305.665.439		70.305.665.439
Tại 31/12/2012	1 40.356.572.992	(5.753.713.486)	34.602.859.506
Tổng nợ ngắn hạn	343.322.182.419	(5.753.713.486)	337.568.468.933
Vốn chủ sở hữu			
Lỗ cộng dồn			
Tại 1/1/2012	1 (57.112.427.573)		(57.112.427.573)
Tại 31/12/2012	1 (96.405.597.857)	397.736.213	(96.007.861.644)
Tổng vốn chủ sở hữu	353.594.402.143	397.736.213	353.992.138.356

Bảng kết quả kinh doanh (trích dẫn)

Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Sau khi điều chỉnh lại VNĐ
Thu nhập khác	1 841.315.402	397.736.213	1.239.051.615
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(39.293.170.284)	397.736.213	(38.895.434.071)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**
3 ĐIỀU CHỈNH LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC (TIẾP THEO)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trích dẫn)

Ghi chú	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012		
	Theo báo cáo năm trước VNĐ	Điều chỉnh hồi tố VNĐ	Sau khi điều chỉnh lại VNĐ
Lỗi trước thuế	1 (39.293.170.284)	397.736.213	(38.895.434.071)
Tăng các khoản phải trả	1 21.049.159.617	397.736.213	21.446.895.830

Ghi chú 1:

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty ghi nhận trên tài khoản Chi phí phải trả khác khoản chi phí 5.753.713.486 đồng và trên tài khoản Xây dựng cơ bản dở dang khoản 5.355.977.273 đồng. Hai khoản trên liên quan đến chi phí của hai hạng mục xây dựng nhà máy Sabeco Sông Lam là san lấp mặt bằng và xây dựng tường rào. Tại tháng 6 năm 2013, sau khi quyết toán, Công ty phát hiện hạng mục này đã được ghi nhận trong tài sản cố định, đồng thời lại được ghi nhận trên tài khoản Xây dựng cơ bản dở dang dẫn đến làm sai lệch tài khoản Xây dựng cơ bản dở dang và tương ứng là tài khoản Chi phí phải trả khác. Công ty quyết định ghi giảm hai tài khoản trên. Phần còn lại của chi phí phải trả khác được ghi nhận vào tăng thu nhập khác của Công ty.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền mặt	301.224.877	114.544.397
Tiền gửi ngân hàng	70.190.818.504	46.650.562.922
Các khoản tương đương tiền (*)	95.000.000.000	200.000.000.000
	<u>165.492.043.381</u>	<u>246.765.107.319</u>

(*) Khoản mục này bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tính từ ngày gửi.

5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Bên thứ ba	1.217.868.801	1.501.437.001
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	61.635.381.611	43.798.446.446
	<u>62.853.250.412</u>	<u>45.299.883.447</u>

6 HÀNG TỒN KHO

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	24.789.940.797	28.649.037.700
Công cụ, dụng cụ	31.996.032.834	22.991.069.039
Chi phí SXKD dở dang	26.250.286.534	24.211.582.671
Thành phẩm	9.241.802.977	3.518.035.840
	<u>92.278.063.142</u>	<u>79.369.725.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	207.755.119.064	989.638.809.488	6.103.450.571	3.155.174.064	1.206.652.553.187
Mua trong năm	1.500.156.364	-	-	401.649.909	401.649.909
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	18.078.200	124.700.000	-	585.357.109	1.500.156.364
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)					728.135.309
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	209.237.197.228	989.514.109.488	6.103.450.571	2.971.466.864	1.207.826.224.151
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(9.143.950.422)	(182.116.691.861)	(1.901.115.431)	(1.794.858.509)	(194.956.616.223)
Khấu hao trong năm	(4.443.681.900)	(65.972.457.992)	(1.013.048.400)	(527.988.457)	(71.957.176.749)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(1.054.900)	(16.137.000)	-	(291.111.600)	(308.303.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	(13.586.577.422)	(248.073.012.853)	(2.914.163.831)	(2.031.735.366)	(266.605.489.472)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	198.611.168.642	807.522.117.627	4.202.335.140	1.360.315.555	1.011.695.936.964
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	195.650.619.806	741.441.096.635	3.189.286.740	939.731.498	941.220.734.679

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định của Công ty với tổng giá trị còn lại là 941.220.734.679 đồng (năm 2012: 1.011.695.936.964 đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Công ty vay ngân hàng dài hạn (Thuyết minh số 8).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết trong năm nhưng còn sử dụng là: 687.732.041 Đồng (năm 2012: 552.023.384 Đồng).

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng vào chi phí trả trước, Công ty phân bổ 73.277.911 đồng vào chi phí trả trước ngắn hạn. 419.831.809 đồng vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (TIẾP THEO)

(b) Tài sản cố định vô hình

	VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	91.650.000
Mua trong năm	-
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	91.650.000
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	(48.366.400)
Khấu hao trong năm	(30.547.200)
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	(78.913.600)
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	43.283.600
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	12.736.400
	<hr/> <hr/>

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	2.349.809.091	617.051.818
Tăng	1.777.790.001	2.651.318.164
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.500.156.364)	(918.560.891)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.627.442.728	2.349.809.091
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi tiết chi phí trả trước dài hạn được trình bày như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vỏ chai, két, bao bì chờ phân bổ	14.012.249.092	39.884.233.478
Pallet nhựa và chụp giữ két	754.693.877	1.398.762.353
Chứng chỉ ISO	423.233.326	509.666.993
Phí bảo hiểm	71.813.361	41.234.274
Khác	598.408.904	-
	<u>15.860.398.560</u>	<u>41.833.897.098</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	41.833.897.098	59.193.087.999
Mua trong năm	625.176.454	663.666.993
Tăng do chuyển từ TSCĐ (Thuyết minh 7(a))	346.553.898	-
Phân bổ trong năm	(17.733.242.125)	(18.022.857.894)
Nhập lại kho chai, két 355 (*)	(9.211.986.765)	-
	<u>15.860.398.560</u>	<u>41.833.897.098</u>

(*) Do không có kế hoạch sản xuất trong tương lai, Công ty chuyển mục đích sử dụng chai, két 355 từ sản xuất sang cho thuê, và nhập lại kho phần giá trị còn lại của chai, két 355 từ 1/10/2013.

9 CÁC KHOẢN VAY

(a) Vay và nợ ngắn hạn

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	<u>92.000.000.000</u>	<u>153.700.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

9 CÁC KHOẢN VAY (TIẾP THEO)

(b) Vay và nợ dài hạn

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (*)	578.072.970.738	731.772.970.738
	<u>578.072.970.738</u>	<u>731.772.970.738</u>
Trừ: các khoản vay đáo hạn trong vòng 1 năm	(92.000.000.000)	(153.700.000.000)
	<u>486.072.970.738</u>	<u>578.072.970.738</u>

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Công Thương Việt Nam (“VietinBank”) với số dư là 578.072.970.738 Đồng Việt Nam (năm 2012: 731.772.970.738 Đồng Việt Nam) theo hợp đồng tín dụng dài hạn ngày 2 tháng 4 năm 2009 số 09.440303/HĐTĐ với tổng số tiền vay là 859.735.000.000 Đồng Việt Nam. Khoản vay được hoàn trả thành 26 lần thanh toán theo thời hạn 03 tháng một bắt đầu từ năm 2011 đến năm 2017. Khoản vay có lãi suất bằng trần lãi suất cho vay ban hành bởi Ngân Hàng Nhà Nước cộng với 1.3% một năm nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản gắn liền với đất hình thành từ việc sử dụng tiền vay, bao gồm toàn bộ nhà xưởng, văn phòng, máy móc thiết bị, tài sản khác thuộc dự án đầu tư xây dựng Nhà máy bia Sài Gòn – Sông Lam, giai đoạn 1 công suất 100 triệu lít/năm.

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Bên thứ ba	8.756.075.494	15.309.269.995
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	184.966.879.774	216.573.790.341
	<u>193.722.955.268</u>	<u>231.883.060.336</u>

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Thuế		
Thuế GTGT	8.506.279.546	9.356.239.329
Thuế tiêu thụ đặc biệt	57.013.680.964	56.224.743.304
Thuế thu nhập cá nhân	45.671.614	99.118.841
Các loại thuế khác	-	30.900.000
	<u>65.565.632.124</u>	<u>65.711.001.474</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	17.076.329.210	24.569.130.266
Chi phí lãi trả chậm (*) (Thuyết minh 20)	17.112.103.686	7.361.255.332
Phải trả phí vận chuyển	972.808.393	1.494.758.712
Phải trả tiền điện	153.608.256	257.603.891
Phải trả phí bảo hiểm	183.289.166	255.855.051
Phải trả phí dịch vụ chuyên nghiệp	361.890.800	301.890.800
Phải trả tiền đồng phục	300.000.000	240.000.000
Phải trả khác	386.875.698	122.365.454
	<u>36.546.905.209</u>	<u>34.602.859.506</u>

(*) Lãi trả chậm liên quan đến lãi phát sinh do Công ty thanh toán chậm các hóa đơn mua hàng của Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn.

13 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VNĐ
2011	Chưa quyết toán	11.586.139.825
2012	Chưa quyết toán	38.895.434.071
		<u>50.481.573.896</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2013 Cổ phiếu phổ thông	2012 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	450.000.000.000	450.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	450.000.000.000	450.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	450.000.000.000	450.000.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2013 Cổ phiếu phổ thông	%	2012 Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn	309.500.000.000	68.8	309.500.000.000	68.8
Vốn góp của đối tượng khác	140.500.000.000	31.2	140.500.000.000	31.2
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	450.000.000.000	100	450.000.000.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu thường VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	45.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	45.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	45.000.000	450.000.000.000	450.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

15 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	450.000.000.000	(57.112.427.573)	392.887.572.427
Lũ trong năm	-	(38.895.434.071)	(38.895.434.071)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	450.000.000.000	(96.007.861.644)	353.992.138.356
Lợi nhuận trong năm	-	44.643.292.098	44.643.292.098
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	450.000.000.000	(51.364.569.546)	398.635.430.454

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	44.643.292.098	(38.895.434.071)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	45.000.000	45.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đồng Việt Nam)	992	(864)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

17	DOANH THU	2013 VNĐ	2012 VNĐ
	Doanh thu		
	Doanh thu bán hàng	1.341.651.155.734	1.275.407.253.761
	Doanh thu khác	6.437.148.186	5.683.865.141
		<u>1.348.088.303.920</u>	<u>1.281.091.118.902</u>
	Các khoản giảm trừ		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	(487.876.229.863)	(434.610.098.396)
		<u>(487.876.229.863)</u>	<u>(434.610.098.396)</u>
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u><u>860.212.074.057</u></u>	<u><u>846.481.020.506</u></u>
18	GIÁ VỐN HÀNG BÁN	2013 VNĐ	2012 VNĐ
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	<u><u>727.633.665.397</u></u>	<u><u>781.966.291.215</u></u>
19	DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	2013 VNĐ	2012 VNĐ
	Lãi tiền gửi	11.391.180.083	6.748.474.573
	Lãi thuần chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	24.029.325	3.282.645.428
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.377.508.613	3.093.325.917
		<u>14.792.718.021</u>	<u>13.124.445.918</u>
20	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	2013 VNĐ	2012 VNĐ
	Chi phí lãi vay	62.159.367.084	91.203.670.759
	Lãi mua hàng trả chậm (Thuyết minh 12)	9.750.848.354	7.361.255.332
	Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	495.051	4.758.648
		<u>71.910.710.489</u>	<u>98.569.684.739</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí vận chuyển, bốc vác	1.383.082.683	1.075.209.932
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới (*)	5.400.428.000	-
	<u>6.783.510.683</u>	<u>1.075.209.932</u>

(*) Chi phí bao gồm 4.969.000.000 đồng phí nghiên cứu thị trường phân bổ bởi Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn.

22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí khấu hao tài sản	511.178.368	648.513.648
Chi phí nhân viên	9.996.607.893	8.865.775.382
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	4.185.872.074	294.959.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.972.549.524	1.206.540.396
Chi phí thuế	234.298.000	124.649.000
Phí dịch vụ bảo vệ	1.080.000.000	850.000.000
Phí công tác	332.387.667	1.256.841.547
Phí ngân hàng	129.471.358	666.026.163
Khám sức khỏe định kì	239.180.000	432.718.000
Chi phí khác	1.266.641.469	3.690.027.552
	<u>21.948.186.353</u>	<u>18.036.051.193</u>

23 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập khác		
Doanh thu cho thuê chai kết 355	1.640.588.913	-
Thu từ thanh lý phế liệu và bồi thường chai bể	496.804.909	547.854.092
Thu nhập khác	32.204.500	691.197.523
	<u>2.169.598.322</u>	<u>1.239.051.615</u>
Chi phí khác		
Phân bổ chi phí chai kết 355 cho thuê	(3.638.929.240)	-
Chi phí khác	(616.096.140)	(92.715.031)
	<u>(4.255.025.380)</u>	<u>(92.715.031)</u>
(Chi phí)/Thu nhập khác – Số thuần	<u>(2.085.427.058)</u>	<u>1.146.336.584</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

24 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 25% quy định trong Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty và được thể hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	44.643.292.098	(38.895.434.071)
Thuế tính ở thuế suất 25%	11.160.823.025	-
Điều chỉnh:		
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(11.160.823.025)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập – hiện hành	-	-
Thuế thu nhập – hoãn lại (*)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(*) Ghi chú:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến việc phân bổ bao bì luân chuyển:

Trong năm tài chính 2013, Công ty phân bổ giá trị bao bì luân chuyển (chai, két) với thời hạn 4 năm. Theo quy định thuế hiện hành, bao bì luân chuyển chỉ được phân bổ tối đa không quá 2 năm. Tuy nhiên do công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp nên không phát sinh thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của phần chênh lệch giữa cách phân bổ 2 năm và 4 năm này.

25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	604.403.515.300	668.607.018.122
Chi phí nhân công	21.679.573.478	19.420.977.305
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.987.723.949	89.439.090.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.041.922.811	11.529.370.658
Các chi phí khác bằng tiền	13.171.361.251	7.540.431.699
	<u>764.284.096.789</u>	<u>796.536.888.614</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

26 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(a) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá.

(i) Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng EURO (“EUR”).

	EUR		VNĐ	
	2013	2012	2013	2012
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	119.949	-	3.470.953.796	-
	<u>119.949</u>	<u>-</u>	<u>3.470.953.796</u>	<u>-</u>
Mức độ rủi ro ngoại tệ thuần	<u>119.949</u>	<u>-</u>	<u>3.470.953.796</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu Đồng Việt Nam mạnh lên/yếu đi 10% so với EUR trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 347.095.379 Đồng Việt Nam chủ yếu là do lỗi/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc EUR.

(ii) Rủi ro về giá

Trong năm, Công ty không chịu rủi ro về giá do Công ty không phát sinh các khoản giao dịch chứng khoán nào.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

26 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(iii) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đáng kể đối với các khoản vay của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu lãi suất Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (ước tính % thay đổi lãi suất) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp hơn 28.903.648.537 Đồng Việt Nam (2012: 36.588.648.537 Đồng Việt Nam) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013			
Phải trả người bán	193.722.955.268	-	-
Chi phí phải trả	36.546.905.209	-	-
Phải trả khác	1.007.005.925	-	-
Vay ngắn hạn	92.000.000.000	-	-
Phải trả dài hạn	-	-	320.000.000
Vay dài hạn	-	486.072.970.738	-
	<u>323.276.866.402</u>	<u>486.072.970.738</u>	<u>320.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả người bán	231.883.060.336	-	-
Chi phí phải trả	40.356.572.992	-	-
Phải trả khác	705.872.380	-	-
Vay ngắn hạn	153.700.000.000	-	-
Phải trả dài hạn	-	-	320.000.000
Vay dài hạn	-	92.000.000.000	486.072.970.738
	<u>426.645.505.708</u>	<u>92.000.000.000</u>	<u>486.392.970.738</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi (Công ty mẹ) do chiếm 68.8 % vốn cổ phần của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Công ty TNHH một thành viên TM Sabeco	1.339.491.560.280	1.275.252.404.670
Công ty CP Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	609.912.693	26.304.545
Công ty TNHH Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	1.030.676.220	-
Công ty Cổ Phần TM Sabeco Bắc Trung Bộ	1.799.660.909	230.805.412
	<u>1.342.931.810.102</u>	<u>1.275.509.514.627</u>

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn	506.561.503.613	521.654.473.824
Công ty CP Vận Tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	298.195.650	107.236.332
Công ty CP TM Sabeco Bắc Trung Bộ	415.783.665	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco	390.863.117	-
	<u>507.666.346.045</u>	<u>521.761.710.156</u>

iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	2.400.000.000	2.404.000.000
	<u>2.400.000.000</u>	<u>2.404.000.000</u>

iv) Hoạt động tài chính

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi trả chậm mua nguyên liệu từ Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn	9.750.848.354	7.361.255.332
	<u>9.750.848.354</u>	<u>7.361.255.332</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

27 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

v) Hoạt động khác

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Đền bù hàng vỡ hỏng từ Công ty Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	1.779.873	-
Phí nghiên cứu thị trường phân bố bởi Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn (Thuyết minh 21)	4.969.000.000	-
Phí đổi vỏ chai phải trả cho Công ty TNHH 1TV TM Sabeco	<u>242.188.892</u>	<u>-</u>
b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH một thành viên TM Sabeco	61.319.371.080	43.798.446.446
Công ty CP Bia Sài Gòn- Nghệ Tĩnh	316.010.531	-
	<u>61.635.381.611</u>	<u>43.798.446.446</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Bia rượu và Nước Giải Khát Sài Gòn	184.881.995.524	216.573.790.341
Công ty CP TM Sabeco Bắc Trung Bộ	84.884.250	-
	<u>184.966.879.774</u>	<u>216.573.790.341</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Trả trước cho nhà cung cấp		
Công ty TNHH một thành viên TM Sabeco	<u>5.392.218</u>	<u>-</u>
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu khác		
Cty CP Vận Tải & Giao nhận Bia Sài Gòn	<u>1.779.873</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

28 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

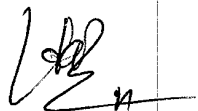
	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả người bán		
Trong vòng 1 năm	728.611.022	540.000.000
Từ 1 đến 5 năm	540.000.000	1.080.000.000
Trên 5 năm	-	-
	1.268.611.022	1.620.000.000

Phần lớn các khoản cam kết thuê hoạt động liên quan đến hợp đồng cung cấp nước sạch với công ty Nam Nghệ An.

29 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Các báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 25 tháng 2 năm 2014.



Đặng Hải Hà
Người lập



Phan Thanh Thảo
Kế toán trưởng



Võ Hải Thanh
Giám đốc